

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 40/2026/NQ-HĐND

Hà Nội, ngày 15 tháng 6 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Quy định một số cơ chế, chính sách
quản lý và phát triển khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố**
(Thực hiện điểm a, b, c khoản 2 Điều 20 của Luật Thủ đô số 02/2026/QH16)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thủ đô số 02/2026/QH16;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Công nghệ cao số 133/2025/QH15;

Căn cứ Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội tại Tờ trình số 274/TTr-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2026 về việc ban hành Nghị quyết quy định về cơ chế, chính sách quản lý và phát triển khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố; Báo cáo thẩm tra số 52/BC-KTNS ngày 11 tháng 6 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân Thành phố; Báo cáo giải trình, tiếp thu số 256/BC-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội ban hành Nghị quyết quy định một số cơ chế, chính sách quản lý và phát triển khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết này quy định về việc thành lập, điều chỉnh, đầu tư xây dựng, quản lý và phát triển khu công nghệ cao, chức năng, nhiệm vụ của khu công nghệ cao, một số cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ và nguồn lực hỗ trợ phát triển hạ tầng khu công nghệ cao, dự án đầu tư và các hoạt động tại khu công nghệ cao theo quy định tại điểm a, b, c khoản 2 Điều 20 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16.

2. Một số quy định, cơ chế, chính sách liên quan đến quản lý và phát triển khu công nghệ cao không quy định tại Nghị quyết này sẽ được thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành và các quy định có liên quan của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội (sau đây gọi tắt là Ban Quản lý).

2. Các cơ quan nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp, nhà đầu tư và cá nhân có liên quan đến hoạt động quản lý, đầu tư, xây dựng, phát triển khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. *Hoạt động công nghệ cao* là hoạt động công nghệ cao theo quy định của pháp luật về công nghệ cao và hoạt động đào tạo nhân lực công nghệ cao.

2. *Đào tạo nhân lực công nghệ cao* là hoạt động tổ chức đào tạo đại học, sau đại học, đào tạo nghề, bồi dưỡng kỹ năng nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực chất lượng cao cho nghiên cứu, phát triển, sản xuất, vận hành, quản lý, thương mại hóa và dịch vụ công nghệ cao.

3. *Nhà lưu trú trong khu công nghệ cao* là công trình nhà cao tầng, nhà thấp tầng và nhà biệt thự, được đầu tư xây dựng trên phần diện tích đất thương mại, dịch vụ trong ranh giới của khu công nghệ cao dành cho các đối tượng quy định tại Nghị quyết này thuê để ở.

4. *Nhà đầu tư hạ tầng* là nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật khu công nghệ cao được cơ quan nhà nước có thẩm quyền lựa chọn theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật có liên quan.

Chương II

THÀNH LẬP, ĐIỀU CHỈNH, ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHỆ CAO

Điều 4. Thành lập, mở rộng, điều chỉnh khu công nghệ cao

1. Thành lập khu công nghệ cao:

a) Điều kiện thành lập khu công nghệ cao thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và bảo đảm định hướng tổ chức các phân khu chức năng trong khu công nghệ cao theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị quyết này;

b) Việc thành lập khu công nghệ cao được thực hiện thông qua lập dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật khu công nghệ cao theo các phương thức: sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về đầu tư công; đầu tư theo phương thức đối tác công tư; sử dụng vốn doanh nghiệp;

c) Khu công nghệ cao được thành lập kể từ ngày cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật khu công nghệ cao sử dụng vốn đầu tư công hoặc dự án thực hiện theo phương thức đối tác công tư; hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư, lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật khu

công nghệ cao sử dụng vốn doanh nghiệp. Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư, lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án ngoài các nội dung theo quy định của pháp luật hiện hành phải có nội dung về việc thành lập khu công nghệ cao.

2. Mở rộng khu công nghệ cao:

a) Mở rộng khu công nghệ cao là việc điều chỉnh ranh giới làm tăng quy mô diện tích khu công nghệ cao từ 10% hoặc từ 50 ha so với tổng diện tích khu công nghệ cao hiện hữu, trong đó khu vực mở rộng có ranh giới lân cận hoặc liền kề, có thể kết nối hạ tầng kỹ thuật với khu công nghệ cao hiện hữu;

b) Điều kiện mở rộng khu công nghệ cao thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và bảo đảm định hướng tổ chức các phân khu chức năng trong khu công nghệ cao theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị quyết này;

c) Việc mở rộng khu công nghệ cao được thực hiện như đối với trường hợp thành lập khu công nghệ cao quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều này;

3. Việc lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư, chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư, lựa chọn nhà đầu tư dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật khu công nghệ cao quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều này được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan và các quy định sau:

a) Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, đề xuất dự án đầu tư được lập trên cơ sở quy hoạch phân khu hoặc quy hoạch chi tiết (nếu có) của khu công nghệ cao được phê duyệt và phải có nội dung thuyết minh việc đáp ứng các điều kiện tương ứng quy định tại điểm a khoản 1 Điều này đối với trường hợp thành lập và điều kiện tại điểm b khoản 2 Điều này đối với trường hợp mở rộng;

b) Nội dung thẩm định chủ trương đầu tư, báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, đề xuất dự án đầu tư bao gồm các nội dung theo quy định của pháp luật có liên quan và việc đáp ứng các điều kiện tương ứng quy định tại điểm a khoản 1 Điều này đối với trường hợp thành lập và điều kiện tại điểm b khoản 2 Điều này đối với trường hợp mở rộng.

4. Trường hợp theo yêu cầu của Thành phố cần thành lập, mở rộng khu công nghệ cao khi chưa đạt điều kiện về tỷ lệ lấp đầy theo quy định, hoặc khi khu công nghệ cao đề xuất mở rộng chưa hoàn thành hệ thống hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch, Ban Quản lý báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố về lý do, sự cần thiết phải thành lập, mở rộng khu công nghệ cao và thuyết minh cụ thể về nhu cầu sử dụng đất, khả năng đáp ứng của hạ tầng hiện hữu và phương án kết nối với khu vực đề xuất mở rộng để Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, trình Hội đồng nhân dân Thành phố chấp thuận về chủ trương thành lập, mở rộng, làm căn cứ để thực hiện việc thành lập, mở rộng khu công nghệ cao theo quy định tại Nghị quyết này.

5. Điều chỉnh khu công nghệ cao:

a) Điều chỉnh khu công nghệ cao bao gồm điều chỉnh ranh giới và điều chỉnh khác;

b) Điều chỉnh ranh giới khu công nghệ cao là việc thay đổi ranh giới khu công nghệ cao mà vẫn giữ nguyên quy mô diện tích, hoặc làm tăng quy mô diện tích khu công nghệ cao dưới 10% hoặc dưới 50 ha, hoặc làm giảm quy mô diện tích khu công nghệ cao so với khu công nghệ cao hiện hữu. Việc điều chỉnh ranh giới được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị quyết này;

c) Điều chỉnh khác là các điều chỉnh không thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản này, bao gồm điều chỉnh về mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu sử dụng đất, cơ cấu nguồn vốn và các điều chỉnh khác có liên quan;

d) Chủ đầu tư, đơn vị chuẩn bị dự án PPP, nhà đầu tư thực hiện thủ tục điều chỉnh chủ trương đầu tư, chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật khu công nghệ cao để cập nhật và thực hiện các nội dung điều chỉnh tại điểm b, c khoản này theo quy định của pháp luật có liên quan (nếu thuộc trường hợp phải điều chỉnh) mà không phải thực hiện thủ tục điều chỉnh khu công nghệ cao theo quy định của pháp luật về công nghệ cao.

Điều 5. Quy hoạch khu công nghệ cao

1. Khu công nghệ cao được quy hoạch thành 02 nhóm phân khu chức năng chính gồm:

a) Nhóm phân khu thực hiện các hoạt động công nghệ cao quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết này. Tổng diện tích của nhóm phân khu này phải bảo đảm tối thiểu bằng 50% tổng diện tích của khu công nghệ cao.;

b) Nhóm phân khu cung cấp dịch vụ và hoạt động hỗ trợ cho khu công nghệ cao bao gồm các chức năng không quy định tại điểm a khoản này.

2. Ban Quản lý được điều chỉnh ranh giới, quy mô diện tích của khu công nghệ cao trong các trường hợp sau đây:

a) Điều chỉnh ranh giới, quy mô diện tích của khu công nghệ cao nhưng không quá 2% và không quá 10 ha so với diện tích của khu công nghệ cao đã được xác định tại quy hoạch tổng thể Thủ đô;

b) Điều chỉnh ranh giới, quy mô diện tích của khu công nghệ cao không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này nhưng không quá 10% và không quá 50 ha so với diện tích của khu công nghệ cao đã được xác định tại quy hoạch tổng thể Thủ đô sau khi có ý kiến chấp thuận của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

3. Theo yêu cầu phát triển của từng khu công nghệ cao, Ban Quản lý được bố trí các khu đất có chức năng sử dụng hỗn hợp để thực hiện đồng thời các hoạt động công nghệ cao và hoạt động thương mại, dịch vụ nhưng phải bảo đảm tỷ lệ diện tích đất và diện tích sàn xây dựng của các hoạt động thương mại, dịch vụ không vượt quá 15% tổng diện tích đất và không vượt quá 15% tổng diện tích sàn xây dựng của toàn khu đất.

4. Lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch chi tiết các khu vực trong phạm vi khu công nghệ cao:

a) Ban Quản lý quyết định phương thức tổ chức thẩm định quy hoạch thông qua họp Hội đồng thẩm định hoặc gửi hồ sơ xin ý kiến của các thành viên Hội đồng thẩm định;

b) Không thực hiện thủ tục lấy ý kiến của tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư và thủ tục lấy ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Quy hoạch - Kiến trúc Thành phố Hà Nội trước khi phê duyệt quy hoạch;

c) Quy hoạch chi tiết của dự án quốc phòng, an ninh trong khu công nghệ cao phải lấy ý kiến bằng văn bản của Ban Quản lý trước khi phê duyệt, mà không phải thực hiện việc lấy ý kiến của cơ quan chuyên môn về quy hoạch đô thị và nông thôn theo quy định.

Điều 6. Giải phóng mặt bằng khu công nghệ cao

1. Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng khu công nghệ cao trong trường hợp cần thiết được tách ra thành dự án độc lập.

2. Trường hợp Ban chấp hành Đảng bộ Thành phố Hà Nội chỉ đạo cần triển khai ngay công tác giải phóng mặt bằng khu công nghệ cao thì dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được triển khai thực hiện trước khi có chủ trương đầu tư dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật khu công nghệ cao. Trong trường hợp này, Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội được quyết định việc áp dụng trình tự, thủ tục thực hiện dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với các dự án lớn, quan trọng trên địa bàn Thủ đô quy định tại Nghị quyết số 87/2025/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố và các quy định có liên quan để thực hiện dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng khu công nghệ cao.

3. Bố trí kinh phí để thực hiện dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại khoản 2 Điều này:

a) Thành phố bố trí kinh phí từ ngân sách Thành phố, các nguồn vốn hợp pháp khác và thực hiện cơ chế thanh toán linh hoạt, không phụ thuộc vào mức vốn giao của từng dự án thuộc kế hoạch đầu tư ngân sách của Thành phố để thực hiện dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong thời gian chưa lựa chọn được nhà đầu tư hạ tầng khu công nghệ cao;

b) Trường hợp trong thời gian Thành phố đang bố trí kinh phí theo điểm a khoản này mà lựa chọn được nhà đầu tư hạ tầng thì nhà đầu tư hạ tầng có trách nhiệm tiếp tục chi trả chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và các chi phí có liên quan phát sinh từ thời điểm nhà đầu tư được lựa chọn. Nhà đầu tư hạ tầng có trách nhiệm hoàn trả ngân sách Thành phố số tiền mà Thành phố đã chi trả cho công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư;

c) Trường hợp quá 20 ngày kể từ ngày cơ quan nhà nước có thẩm quyền có Thông báo về việc hoàn trả cho ngân sách Thành phố và thông báo về việc bố trí kinh phí để chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư quy định tại điểm b khoản này mà nhà đầu tư hạ tầng không chuyển đầy đủ kinh phí theo Thông báo thì phải nộp tiền chậm nộp theo quy định của pháp luật về quản lý thuế. Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội được xem xét, chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư xây dựng

và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ cao và thu hồi quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư hoặc quyết định chấp thuận nhà đầu tư mà không bồi hoàn bất kỳ khoản chi phí nào mà nhà đầu tư hạ tầng đã ứng trước (nếu có) trong trường hợp nhà đầu tư hạ tầng chậm hoàn trả tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho Nhà nước và chậm bố trí kinh phí để chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định tại điểm này.

Điều 7. Phát triển hệ thống hạ tầng xã hội trong khu công nghệ cao

1. Đối với khu công nghệ cao được đầu tư hạ tầng bằng vốn ngân sách Nhà nước, Nhà nước được đầu tư xây dựng các công trình nhà lưu trú và công trình hạ tầng xã hội thiết yếu bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác để phục vụ đời sống chuyên gia, người lao động làm việc tại khu công nghệ cao.

2. Đối với khu công nghệ cao được đầu tư hạ tầng bằng vốn đầu tư kinh doanh của nhà đầu tư hạ tầng:

a) Nhà đầu tư hạ tầng được cho các tổ chức, cá nhân thuê lại đất để đầu tư xây dựng nhà lưu trú hoặc trực tiếp đầu tư xây dựng nhà lưu trú bằng nguồn vốn của mình, nhưng bảo đảm phải hoàn thành đưa vào sử dụng các công trình nhà lưu trú không chậm hơn tiến độ hoàn thành các công trình hạ tầng kỹ thuật khu công nghệ cao theo dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Trường hợp quá thời hạn quy định tại điểm a khoản này mà các công trình nhà lưu trú trong khu công nghệ cao chưa được hoàn thành xây dựng và đưa vào sử dụng thì nhà đầu tư hạ tầng phải tạm dừng việc thu hút đầu tư và không được cho thuê lại đất đối với các nhà đầu tư thứ cấp cho đến khi các công trình nhà lưu trú tại điểm a khoản này được hoàn thành xây dựng và đưa vào sử dụng.

3. Dự án đầu tư nhà lưu trú trong khu công nghệ cao theo hình thức đầu tư kinh doanh phải được Ban Quản lý cấp Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.

4. Quản lý, sử dụng nhà lưu trú trong khu công nghệ cao:

a) Nhà lưu trú trong khu công nghệ cao được ưu tiên bố trí cho chuyên gia, nhà khoa học, nhà quản lý, người lao động, sinh viên, học viên làm việc, học tập và các đối tượng tham gia các hoạt động tại khu công nghệ cao thuê và phải bảo đảm không hình thành đơn vị ở độc lập.;

b) Trường hợp sau khi đã ưu tiên bố trí cho các đối tượng tại điểm a khoản này thuê mà quỹ nhà lưu trú chưa sử dụng hết (trừ trường hợp nhà lưu trú do Nhà nước đầu tư tại khoản 1 Điều này) thì được bố trí cho người lao động làm việc ngoài khu công nghệ cao thuê nhưng phải bảo đảm không làm ảnh hưởng đến nhu cầu lưu trú của các đối tượng làm việc, hoạt động tại khu công nghệ cao;

c) Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành Quy chế đầu tư, xây dựng, quản lý, sử dụng, khai thác, vận hành nhà lưu trú và thời hạn cho thuê nhà lưu trú theo đề xuất của Ban Quản lý;

d) Ban Quản lý xây dựng Quy chế phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội và cơ quan, đơn vị có liên quan trong quản lý nhà lưu trú, bảo đảm an ninh, an toàn và các nội dung khác có liên quan theo quy định.

Điều 8. Quản lý hoạt động đầu tư tại khu công nghệ cao

1. Căn cứ các nguyên tắc, tiêu chí đối với dự án đầu tư tại khu công nghệ cao theo quy định của pháp luật về công nghệ cao và quy định tại khoản 10, 11 Điều này, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành quy định cụ thể về nguyên tắc, tiêu chí thu hút đầu tư đối với các loại hình dự án đầu tư tại khu công nghệ cao trong từng thời kỳ theo đề xuất của Ban Quản lý.

2. Căn cứ mẫu văn bản Đề xuất dự án đầu tư theo quy định của pháp luật hiện hành, Ban Quản lý được cập nhật, điều chỉnh, bổ sung và ban hành mẫu văn bản Đề xuất dự án đầu tư áp dụng đối với từng loại hình dự án đầu tư vào khu công nghệ cao phù hợp với quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về công nghệ cao, pháp luật có liên quan và đáp ứng các yêu cầu thực tế trong quản lý khu công nghệ cao.

3. Nhà đầu tư được quyền thuê đất, thuê lại đất tại khu công nghệ cao để xây dựng nhà xưởng cho thuê phục vụ cho các dự án đầu tư thực hiện hoạt động công nghệ cao.

4. Nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư tại khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư được quyền lựa chọn đăng ký đầu tư theo thủ tục đầu tư đặc biệt.

5. Nhà đầu tư đề xuất đầu tư dự án tại khu công nghệ cao thực hiện đồng thời thủ tục đầu tư và thủ tục giao đất, cho thuê đất theo quy định sau:

a) Nhà đầu tư lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, kèm theo Đơn xin giao đất, cho thuê đất và Mảnh trích đo bản đồ địa chính khu đất đề xuất do đơn vị có chức năng đo đạc bản đồ địa chính lập;

b) Ban Quản lý thực hiện đánh giá, thẩm định hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư cho nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư;

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư, Ban Quản lý ký xác nhận Mảnh trích đo bản đồ địa chính khu đất và ban hành Quyết định giao đất, cho thuê đất.

6. Dự án đầu tư tại khu công nghệ cao thuộc diện phải thực hiện thủ tục xác nhận dự án đầu tư đáp ứng nguyên tắc hoạt động công nghệ cao theo quy định của pháp luật về công nghệ cao (trừ dự án đầu tư công) thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thay cho thủ tục xác nhận nêu trên theo quy định sau:

a) Nhà đầu tư lập hồ sơ đăng ký đầu tư gồm tài liệu quy định tại các điểm a, b, d, e, h khoản 1 Điều 32 Nghị định số 96/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

b) Ban Quản lý cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ khi dự án đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm a, b, c, và e khoản 3 Điều 39 Nghị định số 96/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư và các nguyên tắc, tiêu chí đối với dự án thực hiện hoạt động công nghệ cao tại khu công nghệ cao.

7. Nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư tại khu công nghệ cao thuê lại đất của nhà đầu tư hạ tầng phải ký quỹ hoặc phải có bảo lãnh ngân hàng về nghĩa vụ ký quỹ để bảo đảm thực hiện dự án đầu tư.

8. Bảo đảm thực hiện dự án đầu tư tại khu công nghệ cao:

a) Nhà đầu tư thực hiện ký quỹ hoặc nộp cam kết bảo lãnh của tổ chức tín dụng về nghĩa vụ ký quỹ trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày được cấp hoặc điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư;

b) Hoàn trả 50% số tiền đã ký quỹ hoặc giảm 50% mức bảo lãnh tại thời điểm nhà đầu tư đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng hoặc chấp thuận khác để thực hiện hoạt động xây dựng và khởi công trên thực địa không chậm hơn tiến độ quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư.

9. Ban Quản lý chấm dứt hoặc chấm dứt một phần hoạt động của dự án đầu tư trong trường hợp tiến độ khởi công của cả dự án hoặc của từng giai đoạn (nếu có) chậm quá 06 tháng đối với dự án thực hiện theo thủ tục đầu tư đặc biệt hoặc chậm quá 12 tháng đối với dự án thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư so với tiến độ quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư mà không thuộc trường hợp được điều chỉnh tiến độ theo quy định.

10. Dự án đầu tư cơ sở đào tạo nhân lực công nghệ cao tại khu công nghệ cao phải đáp ứng các nguyên tắc, tiêu chí sau:

a) Nhà đầu tư đề xuất dự án đầu tư có đầy đủ năng lực quản trị, khả năng tài chính và khả năng đáp ứng các điều kiện hoạt động đào tạo theo quy định của pháp luật về giáo dục, đào tạo, bảo đảm việc xây dựng, triển khai dự án đầu tư theo đúng tiến độ, kế hoạch;

b) Mục tiêu, chương trình và nội dung đào tạo phải tập trung phát triển nguồn nhân lực công nghệ cao phục vụ hoạt động nghiên cứu, phát triển, thử nghiệm, sản xuất, vận hành, thương mại hóa và dịch vụ công nghệ cao trong lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ chiến lược;

c) Ứng dụng chương trình đào tạo tiên tiến, định hướng đạt chuẩn quốc tế; có cơ chế liên kết, hợp tác với các viện nghiên cứu, trường đại học, trung tâm nghiên cứu và phát triển, các tập đoàn công nghệ và doanh nghiệp trong hoạt động đặt hàng đào tạo, thực tập, tuyển dụng, ươm tạo và chuyển giao công nghệ;

d) Áp dụng các biện pháp thân thiện với môi trường, tiết kiệm năng lượng;

đ) Cơ sở vật chất, hạ tầng số, thiết bị công nghệ, hệ thống phòng thí nghiệm, xưởng thực hành và phòng mô phỏng phải được đầu tư đồng bộ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu đào tạo thực hành công nghệ cao.

11. Dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao tại khu công nghệ cao phải đáp ứng các nguyên tắc, tiêu chí sau:

a) Nhà đầu tư đề xuất dự án đầu tư có khả năng tài chính hoặc huy động nguồn lực hợp pháp khác để đáp ứng yêu cầu về nguồn vốn đầu tư xây dựng, duy trì, vận hành dự án; có năng lực công nghệ, năng lực quản lý, bảo đảm việc xây dựng, triển khai dự án đầu tư theo đúng tiến độ, kế hoạch;

b) Công nghệ được ứng dụng trong dự án và sản phẩm của dự án phải thuộc Danh mục công nghệ cao và sản phẩm công nghệ cao, công nghệ chiến lược và sản phẩm chiến lược do Thủ tướng Chính phủ và Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội ban hành;

c) Áp dụng các biện pháp thân thiện với môi trường, tiết kiệm năng lượng;

d) Phù hợp với quy hoạch, khả năng cung cấp hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội của khu công nghệ cao và các quy định của pháp luật liên quan;

Điều 9. Đánh giá, thẩm định công nghệ của dự án đầu tư tại khu công nghệ cao

1. Ban Quản lý tổ chức đánh giá, thẩm định, cho ý kiến về công nghệ đối với các dự án đầu tư trong khu công nghệ cao theo quy định của pháp luật về đầu tư, khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ và quy định tại Nghị quyết này.

2. Ban Quản lý được thành lập Hội đồng thẩm định công nghệ hoặc mời chuyên gia tư vấn độc lập để thực hiện hoạt động đánh giá, thẩm định công nghệ.

3. Kinh phí thù lao của Hội đồng thẩm định công nghệ và kinh phí mời chuyên gia tư vấn độc lập để thực hiện hoạt động đánh giá, thẩm định công nghệ được bảo đảm từ ngân sách Thành phố và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

4. Mức chi thù lao cho Hội đồng thẩm định công nghệ được áp dụng tương đương 200% mức chi đối với chi Hội đồng đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định hiện hành; mức chi mời chuyên gia tư vấn độc lập được áp dụng tương đương 200% mức chi đối với chi thù lao chuyên gia tư vấn độc lập theo quy định hiện hành.

Điều 10. Quản lý việc cho thuê lại đất gắn với kết cấu hạ tầng kỹ thuật của nhà đầu tư hạ tầng

1. Khi ký hợp đồng cho thuê lại đất, nhà đầu tư hạ tầng phải xác định cụ thể tiến độ sử dụng đất theo tiến độ thực hiện dự án đầu tư; kiểm tra, theo dõi, đôn đốc bên thuê lại đất đưa đất vào sử dụng theo đúng tiến độ đã ký kết trong hợp đồng. Hằng năm, nhà đầu tư hạ tầng có trách nhiệm báo cáo Ban Quản lý và công bố công khai diện tích đất chưa cho thuê lại trên trang thông tin điện tử của nhà đầu tư hạ tầng, Ban Quản lý và Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

2. Trường hợp bên thuê lại đất không đưa đất vào sử dụng hoặc chậm đưa đất vào sử dụng so với tiến độ đã ký kết trong hợp đồng cho thuê lại đất, trừ trường hợp bất khả kháng thì nhà đầu tư hạ tầng có trách nhiệm yêu cầu bên thuê lại đất thực hiện các biện pháp để đưa đất vào sử dụng, đồng thời báo cáo Ban Quản lý để công khai các trường hợp này trên trang thông tin điện tử của Ban Quản lý và Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

3. Trường hợp nhà đầu tư hạ tầng đã thực hiện các biện pháp quy định tại khoản 2 Điều này mà bên thuê lại đất vẫn không đưa đất vào sử dụng, chậm đưa đất vào sử dụng theo quy định tại khoản 8 Điều 81 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 thì nhà đầu tư hạ tầng được đơn phương chấm dứt hợp đồng cho thuê lại đất và kiến nghị Ban Quản lý báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội xem xét, thu hồi diện tích đất vi phạm của bên thuê lại đất để bàn giao cho nhà đầu tư hạ tầng. Việc xử lý quyền và nghĩa vụ có liên quan giữa nhà đầu tư hạ tầng và bên thuê lại đất thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự.

Điều 11. Quản lý môi trường, lao động trong khu công nghệ cao

1. Ban Quản lý tổ chức kiểm tra, giám sát chất lượng môi trường đột xuất đối với dự án đầu tư, cơ sở hoạt động tại khu công nghệ cao. Trưởng ban Ban Quản lý ban hành Quyết định kiểm tra đột xuất không báo trước và xác định cụ thể các nội dung kiểm tra khi có căn cứ cho rằng tổ chức, cá nhân hoạt động tại khu công nghệ cao có dấu hiệu vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường hoặc do Trưởng ban Ban Quản lý quyết định.

Ban Quản lý được sử dụng nhà thầu trong số các nhà thầu đang thực hiện các hợp đồng có nhiệm vụ tương tự với Ban Quản lý để kịp thời thực hiện việc lấy mẫu, phân tích mẫu chất thải phục vụ việc kiểm tra đột xuất, nội dung công việc được bổ sung vào phụ lục của hợp đồng đã ký kết với nhà thầu. Chi phí cho hoạt động lấy mẫu và phân tích mẫu được lấy từ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường cấp cho Ban Quản lý.

2. Người sử dụng lao động, doanh nghiệp hoạt động trong khu công nghệ cao không phải thực hiện các thủ tục sau: đăng ký nội quy lao động; đăng ký, tiếp nhận, chấp thuận đối với hợp đồng nhận lao động thực tập của doanh nghiệp, hoạt động đưa người lao động đi thực tập ở nước ngoài dưới 90 ngày.

Điều 12. Hậu kiểm đối với các dự án đầu tư tại khu công nghệ cao

1. Ban Quản lý tổ chức hậu kiểm đối với các dự án đầu tư tại khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố, bao gồm: kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện mục tiêu, cam kết, tiêu chí, trách nhiệm và hoạt động của các dự án đầu tư, doanh nghiệp trong quá trình triển khai, vận hành dự án đầu tư tại các khu công nghệ cao theo quy định của pháp luật và quy định tại Nghị quyết này.

2. Trưởng ban Ban Quản lý có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm hành chính trong khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố thuộc các lĩnh vực: kế hoạch và đầu tư, đăng ký doanh nghiệp, xây dựng, đất đai, bảo vệ môi trường, lao động, khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ. Việc xử phạt quy định tại khoản này không làm thay đổi thẩm quyền thanh tra,

kiểm tra, xử phạt vi phạm hành chính của cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành theo quy định của pháp luật. Công chức của Ban Quản lý được giao nhiệm vụ kiểm tra, phát hiện vi phạm hành chính có thẩm quyền lập Biên bản vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý quy định tại khoản này.

Chương III

CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG, DỰ ÁN ĐẦU TƯ VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG TẠI KHU CÔNG NGHỆ CAO

Điều 13. Ưu đãi miễn, giảm tiền thuê đất tại khu công nghệ cao

1. Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật của khu công nghệ số tập trung được hưởng ưu đãi miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước theo quy định của pháp luật về khu công nghệ số tập trung.

2. Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật khu công nghệ cao và khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được hưởng ưu đãi miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước như sau:

a) Miễn toàn bộ tiền thuê đất, thuê mặt nước cho cả thời hạn thuê đối với diện tích thực hiện các hoạt động công nghệ cao, đào tạo nhân lực công nghệ cao, đất xây dựng nhà lưu trú và công trình hạ tầng kỹ thuật, cây xanh và mặt nước sử dụng chung theo quy hoạch phân khu hoặc quy hoạch chi tiết (nếu có) của khu công nghệ cao được phê duyệt;

b) Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước trong thời gian 18 năm kể từ ngày có Quyết định cho thuê đất và giảm 50% tiền thuê đất trong thời gian thuê đất còn lại đối với diện tích của khu công nghệ cao không thuộc điểm a khoản này;

c) Nhà đầu tư hạ tầng không được tính tiền thuê đất, thuê mặt nước được miễn, giảm tại điểm a, b khoản này vào tổng vốn đầu tư của dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật khu công nghệ cao để tính đơn giá cho thuê lại đất đã có hạ tầng.

3. Dự án đầu tư tại khu công nghệ cao được Ban Quản lý trực tiếp giao đất, cho thuê đất được hưởng ưu đãi miễn, giảm tiền thuê đất kể từ ngày có Quyết định cho thuê đất như sau:

a) Miễn toàn bộ tiền thuê đất cho cả thời hạn thuê đối với dự án thuộc Danh mục ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, dự án xây dựng nhà lưu trú và dự án xây dựng nhà xưởng cho thuê;

b) Miễn 22 năm đối với dự án thuộc Danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư;

c) Miễn 18 năm đối với dự án không thuộc trường hợp quy định tại điểm a, b khoản này;

d) Trường hợp dự án có mục đích hỗn hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị quyết này thì chính sách miễn tiền thuê đất tại điểm a, b, c khoản này được áp dụng đối với từng diện tích đất sử dụng vào các mục đích khác nhau.

4. Dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách Nhà nước được Ban Quản lý trực tiếp giao đất, cho thuê đất và được ngân sách Nhà nước bố trí vốn để bồi thường giải phóng mặt bằng thì không phải hoàn trả tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng cho Nhà nước.

Điều 14. Ưu đãi, hỗ trợ đối với dự án đầu tư xây dựng nhà lưu trú trong khu công nghệ cao

1. Dự án đầu tư xây dựng nhà lưu trú trong khu công nghệ cao được hưởng các cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ như đối với dự án xây dựng nhà ở xã hội theo quy định của pháp luật về nhà ở và các cơ chế, chính sách sau:

a) Không phải hoàn trả tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng cho Nhà nước trong trường hợp nhà lưu trú chỉ sử dụng để cho đối tượng quy định tại điểm a khoản 4 Điều 7 Nghị quyết này thuê;

b) Hưởng lợi nhuận định mức tối đa 15% tổng chi phí đầu tư xây dựng đối với phần diện tích xây dựng nhà lưu trú;

c) Được sử dụng tối đa 20% tổng diện tích sàn xây dựng của dự án nhà lưu trú để thực hiện hoạt động kinh doanh thương mại, dịch vụ; được hạch toán riêng và không được tính chi phí đầu tư xây dựng phần diện tích kinh doanh thương mại, dịch vụ vào giá cho thuê nhà lưu trú; được hưởng toàn bộ lợi nhuận đối với phần diện tích kinh doanh thương mại, dịch vụ;

d) Chi phí đầu tư xây dựng nhà lưu trú được tính là khoản chi được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế của chủ đầu tư dự án xây dựng nhà lưu trú theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp;

đ) Trường hợp doanh nghiệp, tổ chức trong khu công nghệ cao thuê nhà lưu trú để cho người lao động của mình thuê lại thì chi phí thuê nhà lưu trú được tính là chi phí hợp lý trong giá thành sản xuất, kinh doanh khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về thuế;

e) Trường hợp dự án đầu tư hỗn hợp trong đó có hạng mục lưu trú thì chính sách ưu đãi, hỗ trợ tại khoản này chỉ được áp dụng đối với hạng mục nhà lưu trú.

Điều 15. Hỗ trợ đối với người lao động làm việc tại khu công nghệ cao

1. Chính sách ưu đãi, hỗ trợ về nhà lưu trú

a) Người thuê nhà lưu trú quy định tại điểm a, b khoản 4 Điều 7 Nghị quyết này và gia đình của người thuê nhà được cư trú cùng với người thuê nhà trong thời gian thuê nhà.

b) Người thuê nhà được hưởng chính sách ưu đãi miễn, giảm tiền thuê nhà lưu trú do Nhà nước đầu tư, được ngân sách Thành phố hỗ trợ một phần tiền thuê nhà lưu trú do doanh nghiệp đầu tư. Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội quy định cụ thể chính sách ưu đãi miễn, giảm, hỗ trợ tiền thuê nhà.

2. Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động được phân công, bố trí hoặc có hợp đồng lao động làm việc trực tiếp, thường xuyên tại khu công nghệ cao trên

địa bàn Thành phố được miễn phí vé tháng khi sử dụng phương tiện giao thông công cộng bao gồm xe buýt, ô tô chở khách tuyến cố định, đường sắt đô thị.

Chương IV

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ CỦA KHU CÔNG NGHỆ CAO VÀ CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH, MÔ HÌNH VỀ QUẢN LÝ, QUẢN TRỊ KHU CÔNG NGHỆ CAO

Điều 16. Chức năng, nhiệm vụ của khu công nghệ cao

1. Khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố có chức năng tập trung, liên kết hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo, ươm tạo và thương mại hóa công nghệ cao, công nghệ chiến lược, đào tạo nhân lực công nghệ cao, hình thành hệ sinh thái công nghệ cao, góp phần nâng cao năng lực công nghệ quốc gia và phát triển kinh tế - xã hội.

2. Khu công nghệ cao thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Khu công nghệ số tập trung, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật hiện hành;

b) Khu công nghệ cao thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật về công nghệ cao và các nhiệm vụ sau: đào tạo nhân lực công nghệ cao; sản xuất thử nghiệm sản phẩm công nghệ cao, sản phẩm công nghệ chiến lược được hình thành từ kết quả nghiên cứu, phát triển thực hiện bên trong và bên ngoài khu công nghệ cao; sản xuất sản phẩm công nghệ cao, sản phẩm công nghệ chiến lược.

Điều 17. Mô hình quản lý, quản trị khu công nghệ cao

1. Ban Quản lý là cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, thực hiện công tác quản lý nhà nước trực tiếp và toàn diện đối với các khu công nghệ cao trên địa bàn thành phố và các nhiệm vụ, quyền hạn khác do các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, cơ quan nhà nước và cấp có thẩm quyền phân cấp, ủy quyền theo quy định của pháp luật.

2. Việc quản lý, vận hành, khai thác hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng số, hạ tầng công nghệ, hạ tầng xã hội và các tài sản kết cấu hạ tầng khác trong khu công nghệ cao đầu tư bằng ngân sách Nhà nước được thực hiện theo mô hình doanh nghiệp và theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

3. Hội đồng tư vấn chiến lược phát triển khu công nghệ cao Thành phố:

a) Hội đồng tư vấn chiến lược phát triển khu công nghệ cao Thành phố là tổ chức tư vấn có chức năng giúp Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội và Ban Quản lý nghiên cứu, đề xuất chiến lược, định hướng, cơ chế, chính sách và giải pháp phát triển các khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố;

b) Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quyết định thành lập, ban hành quy chế hoạt động, nguồn kinh phí hoạt động và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của Hội đồng tư vấn chiến lược phát triển khu công nghệ cao Thành phố.

Chương V**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH****Điều 18. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố:

a) Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết; thực hiện các quy định tại điểm d, đ khoản 3 Điều 33 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16;

b) Hằng năm, tổ chức đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết này với Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp thường lệ cuối năm.

c) Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc thay đổi trong các quy định của pháp luật, kịp thời tổng hợp, báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố để xem xét sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Nghị quyết cho phù hợp

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp thành phố Hà Nội phối hợp trong công tác tuyên truyền và tham gia giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Điều 19. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

Điều 20. Quy định chuyển tiếp

1. Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật khu công nghệ cao đã được Nhà nước cho thuê đất trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành mà chưa được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác định chính sách ưu đãi miễn, giảm tiền thuê đất thì được áp dụng chính sách ưu đãi miễn, giảm tiền thuê đất quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị quyết này.

2. Dự án đầu tư tại Khu Công nghệ cao Hòa Lạc đã được cấp Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành mà chưa được Ban Quản lý cho thuê đất hoặc đã được Ban Quản lý cho thuê đất nhưng chưa được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác định chính sách ưu đãi miễn, giảm tiền thuê đất thì được áp dụng các chính sách ưu đãi miễn, giảm tiền thuê đất quy định tại khoản 3 Điều 13 Nghị quyết này.

3. Các công trình nhà ở cho thuê, căn hộ cho thuê, căn hộ dịch vụ tại Khu Công nghệ cao Hòa Lạc được cấp Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành được tiếp tục thực hiện theo các văn bản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành tại thời điểm cấp Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và được áp dụng quy định về quản lý, sử dụng nhà lưu trú trong khu công nghệ cao tại khoản 4 Điều 7 Nghị quyết này.

4. Các dự án đầu tư cơ sở giáo dục tại Khu Công nghệ cao Hòa Lạc đã được cấp Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, trường hợp đề nghị hưởng ưu đãi đầu tư, nhà đầu tư có trách nhiệm giải trình và cam kết việc đáp ứng các điều kiện, nguyên tắc, tiêu chí quy định đối với dự án đào tạo nhân lực công nghệ cao quy định tại Nghị quyết này và Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, trình Ban Quản lý thẩm định, xác định đối tượng hưởng ưu đãi đầu tư cho dự án.

5. Các dự án đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, khi thực hiện điều chỉnh dự án dẫn đến dự án thuộc diện phải thực hiện thủ tục bảo đảm thực hiện dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư thì phải thực hiện ký quỹ hoặc phải có bảo lãnh nghĩa vụ ký quỹ đối với phần dự án được điều chỉnh trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày được điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành tùy thuộc điều kiện nào đến trước.

6. Đối với các hồ sơ dự án đầu tư và hồ sơ thủ tục hành chính khác hợp lệ đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành nhưng chưa trả kết quả thì tiếp tục được xử lý, giải quyết theo quy định tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội, khóa XVII, nhiệm kỳ 2026-2031, kỳ họp thứ Tư thông qua ngày 15 tháng 6 năm 2026./.

Nơi nhận: Sưu

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của QH;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội;
- Các Bộ, cơ quan ngang bộ;
- Cục KTVB và tổ chức THPL - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Thành ủy;
- Đoàn ĐBQH Thành phố;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQ VN TP;
- Các Ban Đảng Thành ủy;
- Đại biểu HĐND Thành phố;
- Các VP: TU, Đoàn ĐBQH và HĐNDTP, UBNDTP;
- Các sở, ban, ngành Thành phố;
- TT HĐND, UBND các xã, phường;
- Trang TTĐT của Đoàn ĐBQH và HĐNDTP;
- Trung tâm TT, DL&CNS Thành phố;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Phùng Thị Hồng Hà